

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả Thận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm mai thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả Thận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả Thận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Thận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả Thận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 2 H, phường T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V1, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N, chi nhánh B, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng N; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1962; cư trú: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ma Văn L, sinh năm 1961

2. Bà Ma Thị O, sinh năm 1985

3. Bà Ma Thị Th (tên gọi khác Ma Thị Th B), sinh năm 1987;

4. Ông Ma Văn H, sinh năm 1993;

5. Bà Trần Thị Kiều Th, sinh năm 1992;

Cùng cư trú: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;

2. Sự thoả Thận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự thống nhất bị đơn bà Hoàng Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn L có nợ của Ngân hàng N số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2024, tổng cộng là: 1.962.267.397 (*Một tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 412.419.726 đồng; tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/5/2024 là: 49.847.671 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán:

Đến thời hạn cuối cùng vào ngày 15 tháng 7 năm 2024, bị đơn bà Hoàng Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2024, tổng cộng là: 1.962.267.397 (*Một tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 412.419.726 đồng; tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/5/2024 là: 49.847.671 đồng.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ, bị đơn bà Hoàng Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 000849/HĐTC ngày 07 tháng 12 năm 2021, đối với Thừa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 938444, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 002076/Cmoi-LP(TH) do Ủy Ban Nhân Dân huyện B, cấp ngày 22 tháng 04 năm 2019, diện tích: 31,523 m², Thừa đất số: 111, Tờ bản đồ số: 19, cho hộ bà Hoàng Thị Ph và ông Ma Văn L. Địa chỉ thửa đất: thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Hợp đồng thế chấp số: 000849/HĐTC ngày 11 tháng 07 năm 2022 thế chấp quyền sử dụng đất sau:

1. Thừa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DE 993011, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 007068/CLTN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, cấp ngày 24 tháng 05 năm 2022, diện tích: 6,228,9 m², Thừa đất số: 180, Tờ bản đồ số: 19, cho bà Hoàng Thị Ph và ông Ma Văn L. Địa chỉ thửa đất: thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DE 993010, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 007067/CLTN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, cấp ngày 24/05/2022, diện tích: 6,002.8 m², Thửa đất số: 182, Tờ bản đồ số: 19 cho bà Hoàng Thị Ph và ông Ma Văn L. Địa chỉ thửa đất: thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, số tiền Th được vượt quá nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì phần dư được trả lại cho bà Ph. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Ph và ông L phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2.3. Chi phí tố tụng: Bị đơn bà Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng nên bị đơn bà Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.434.010 đồng các đương sự thống nhất thỏa Thận bị đơn bà Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L phải chịu. Tuy nhiên, bà Ph và ông L hiện nay đều đã trên 60 tuổi và Thộc đối tượng người cao tuổi và có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận của chính quyền địa phương nên bà Ph và ông L được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí trên.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 38.272.616 đồng theo biên lai Th số 0008031 ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

2.5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 15 tháng 5 năm 2024 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa Thận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa Thận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công